

Bản án số: 18/2022/HS-ST  
Ngày 08-4-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Hữu Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/HSST-QĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Văn T, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện A1, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Đ và bà Trần Thị Th; có vợ là Phạm Thị Thúy H1 và có 01 con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HSST ngày 16-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xử phạt Dương Văn T 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Dương Văn T chấp hành xong án phạt tù ngày 16-4-2021 (chưa được xóa án tích), tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2010/HSST ngày 29-7-2010 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt Dương Văn T 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Dương Văn T chấp hành xong án phạt tù ngày 11-5-2011 và đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126 ngày 30-7-2016 của Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng phạt Dương Văn T

2.000.000 đồng về hành vi trồng cây cần sa (đã được xoá); tạm giữ ngày 24-11-2021, tạm giam ngày 03-12-2021; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1954; trú tại: Thôn Đông Hồng, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt;

2. Bà Phạm Thị D2, sinh năm 1961; trú tại: Cụm 3, thôn Nam Tạ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị D2:* Bà Trần Thị Thúy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Vũ Thị T3; có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H3; vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Văn H4; vắng mặt;

4. Chị Vũ Thị T5; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Phạm Văn H6; có mặt;

2. Ông Vũ Văn S; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên trong tháng 9-2021, Dương Văn T đã 02 lần trộm cắp tài sản tại một số nhà dân trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23-9-2021, T đi xe khách từ xã An Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng về Quốc lộ 10 thuộc địa phận huyện Vĩnh Bảo để trộm cắp tài sản. T phát hiện nhà bà Trần Thị T2 ở thôn Đông Hồng, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo cổng khóa, không có ai ở nhà. T trèo bờ tường vào nhà đến khu vực bếp lấy 01 con dao (loại dao mác) cạy khóa cửa lách làm bằng nhôm kính rồi vào phòng. T lục tìm trong 01 tủ tôn màu xanh, thấy trong túi áo khoác dạ màu nâu có 7.800.000 đồng, túi áo khoác phao màu xám có 520.000 đồng. T cất 8.320.000 đồng vào túi quần bên phải, để lại con dao ở gần tủ tôn, lúc này T phát hiện bà Tổ đang mở cửa chính vào nhà, T mở cửa lách đi ra ngoài rồi trèo tường bỏ chạy.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 30-9-2021, T đi xe khách từ phòng trọ ở ngã 6 phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng về huyện Vĩnh Bảo

để trộm cắp tài sản. T phát hiện nhà bà Phạm Thị D2 ở thôn Nam Tạ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo không có ai ở nhà. T trèo bờ tường vào nhà, nhặt gạch ở vườn đập cửa kính rồi luồn tay mở cửa vào nhà, thấy 01 tủ nhựa màu trắng đặt cạnh giường ngủ nên xuống bếp lấy 01 con dao cạy, mở khóa tủ nhựa lục tìm bên trong túi 01 áo khoác có 01 hộp trái tim màu đỏ bên trong có 02 nhẫn vàng và trong 01 khăn gói số tiền 30.000.000 đồng. T lấy 02 nhẫn vàng và 30.000.000 đồng cho vào túi quần rồi trèo tường bỏ chạy. Ngày 07-10-2021, T mang 02 chỉ vàng đến cửa hàng vàng Nhật Quang ở số 149 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bán được 9.940.000 đồng.

Ngày 24-11-2021, Dương Văn T đến Công an xã An T, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tự thú và khai nhận 02 lần trộm cắp tài sản tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 60/HĐĐG ngày 03-12-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Bảo kết luận: *“01 nhẫn vàng tròn tròn 9999, có khối lượng 1,5 chỉ, có giá trị là 1,5 chỉ x 5.300.000 đ/1 chỉ = 7.950.000 đồng; 01 nhẫn vàng tròn tròn 9999, khối lượng 2 chỉ có giá trị là: 02 chỉ x 5.300.000 đ/1 chỉ = 10.600.000 đồng; 01 nhẫn vàng tròn tròn 9999, khối lượng 3 chỉ có giá trị là: 03 chỉ x 5.300.000 đ/1 chỉ = 15.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cần định giá là: 34.450.000 đồng”*.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61/HĐĐG ngày 03-12-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Bảo kết luận: *“02 nhẫn vàng tròn tròn 99, mỗi nhẫn có khối lượng 1 chỉ, có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc ngày 30-9-2021 là 02 chỉ x 5.200.000 đ/1 chỉ = 10.400.000 đồng”*.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/HĐĐG ngày 03-12-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Bảo kết luận: *“01 cửa nhôm kính trong đó có 01 tấm kính ô cửa kích thước 0,2x0,55m bị vỡ trong diện 0,2x0,44m, phải thay mới tấm kính, giá trị thành tiền (bao gồm cả tiền công sửa chữa) là: 150.000 đồng”*.

Tại Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 26-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Dương Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị T2 khai: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23-9-2021, bà T khóa cửa nhà đi ra ngoài có việc, sau đó về nhà thì phát hiện kẻ gian đột nhập vào nhà trộm cắp của bà 7.800.000 đồng trong túi áo khoác dạ màu nâu và 520.000 đồng trong túi áo khoác phao màu xám. Bà T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà 8.320.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Phạm Thị D2 khai: Khoảng 20 giờ ngày 30-9-2021, bà Duyên đi làm về nhà thấy tủ nhựa đựng quần áo mở, kiểm tra tủ thấy bị kẻ gian trộm cắp 30.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng loại 9999. Bà Duyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà 64.450.000 đồng; đối với cửa kính bị vỡ, bà Duyên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Dương Văn T về tội Trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị T2 8.320.000 đồng, bồi thường cho bà Phạm Thị D2 40.400.000 đồng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 05 mảnh kính vỡ, 1/2 viên gạch màu đỏ không còn giá trị sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị D2 trình bày ý kiến và tranh luận: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội danh, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị D2 64.450.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp. Do đó những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của người làm chứng và người chứng kiến: Người làm chứng và người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người làm chứng, người chứng kiến.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[4] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại (bà Trần Thị T2), người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên, đủ cơ sở xác định: Ngày 23-9-2021, Dương Văn T đã lén lút chiếm đoạt 8.320.000 đồng của bà Trần Thị T2 tại thôn Đông Hồng, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và ngày 30-9-2021, Dương Văn T đã lén lút chiếm đoạt 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng loại 99 (theo tỷ giá ngày 30-9-2021, 02 chỉ x 5.200.000 đồng/01 chỉ = 10.400.000 đồng) tương đương số tiền là 40.400.000 đồng của bà Phạm Thị D2 tại thôn Nam Tạ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có giá trị là 48.720.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.1] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Phạm Thị D2 64.450.000 đồng. Xét thấy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là chưa phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Tính chất vụ án ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an xã hội và tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 23 và 30-9-2021; đồng thời có một tiền án như phần căn cước, lý lịch đã nêu (chưa được xóa án tích) nên lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thỏa đáng; buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đảm bảo trừng trị người phạm tội, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của bị hại bà Trần Thị T2 bị trộm cắp là 8.320.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Tổ yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền nêu trên. Xét thấy, số tiền bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bà Tổ nên căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Tổ 8.320.000 đồng.

[10.1] Bị hại bà Phạm Thị D2 khai, tài sản của bà bị trộm cắp là 30.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng loại 9999 (gồm 01 nhẫn vàng tròn trơn có khối lượng 1,5 chỉ, 01 nhẫn vàng tròn trơn có khối lượng 02 chỉ và 01 nhẫn vàng tròn trơn có khối lượng 03 chỉ. Tổng giá trị của 6,5 chỉ vàng là 34.450.000 đồng). Tại phiên tòa, bà Duyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà 64.450.000 đồng; đối với cửa kính bị vỡ, bà Duyên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

[10.2] Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, có căn cứ chứng minh bị cáo đã trộm cắp của bà Duyên 30.000.000 đồng và 02 chỉ vàng trị giá 10.400.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã chiếm đoạt của bà Duyên 40.400.000 đồng. Xét thấy, số tiền bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của bà Duyên nên căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Duyên 40.400.000 đồng.

[10.3] Đối với số tiền (64.450.000 đồng - 40.400.000 đồng) 24.050.000 đồng bà Duyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét thấy, ngoài lời khai của bà Duyên các tài liệu trong hồ sơ không đủ căn cứ chứng minh bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này của bà Duyên.

[10.4] Đối với cửa kính bị vỡ, bà Duyên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 05 mảnh kính vỡ, 1/2 viên gạch màu đỏ là vật liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với chị Nguyễn Thị H3 chủ cửa hàng vàng Nhật Quang có mua 02 chỉ vàng loại 99 của Dương Văn T nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với chị Nguyễn Thị H3.

[13] Đối với việc Dương Văn T khai còn 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 06-8-2021 tại xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng và ngày 24-8-2021 ở xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo đã có công văn đề nghị Công an huyện An Lão xác minh, điều tra xử lý theo thẩm quyền.

[14] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.436.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Bà Phạm Thị D2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 24.050.000 đồng không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền không được Tòa án chấp nhận nhưng thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị D2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24-11-2021.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị T2 8.320.000 (Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Phạm Thị D2 40.400.000 (Bốn mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 05 mảnh kính vỡ, 1/2 viên gạch màu đỏ theo

Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-01-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.436.000 (Hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị D2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06, PC10);
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Hữu Hường**



